

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục báo cáo định kỳ
lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-BXD ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 138/TTr-SXD ngày 13 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục báo cáo định kỳ lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Xây dựng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K14.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

DANH MỤC**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ LĨNH VỰC XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
PHẦN I: DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỤ THỂ HÓA QUYẾT ĐỊNH SỐ 751/QĐ-BXD							
I	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng						
1	Báo cáo công tác thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình	UBND cấp xã	UBND cấp huyện	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Quý, năm (04 lần/năm); lồng ghép báo cáo Quý IV vào báo cáo năm	Mẫu 1 (gồm Biểu 001/TĐDA, 002/PDDA) tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	- Khoản 1 và Khoản 2 Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh. - Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
		- Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - UBND cấp huyện.	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối kỳ báo cáo			
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
2	Báo cáo về tình hình hoạt động của các Ban Quản lý dự án	- Ban Quản lý dự án Giao thông, Ban Quản lý dự án Nông	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ	Năm (01 lần/năm)	Mẫu 2 tại Phụ lục của Quy định ban hành	Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
	đầu tư xây dựng	<p>ngành và phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án Dân dụng và công nghiệp, Ban Giải phóng mặt bằng.</p> <p>- UBND cấp huyện.</p>		báo cáo		kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
3	Báo cáo về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động và giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng	<p>- Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền làm đại diện đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP.</p> <p>- UBND cấp huyện.</p>	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Năm (01 lần/năm)	Mẫu 3.1 (có Biểu 001/QLCL, 002/ATLĐ kèm theo) tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	<p>- Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/7/2019 của UBND tỉnh.</p> <p>- Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.</p>
		Các tổ chức, cá nhân				Mẫu 3.2 tại Phụ	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
		giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng, giám định viên tư pháp xây dựng.				lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo		Mẫu 3 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	
II	Lĩnh vực quản lý quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị						
4	Báo cáo tình hình phát triển đô thị	- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - UBND cấp huyện.	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Năm (01 lần/năm)	Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Sở Xây dựng sẽ hướng dẫn thực hiện khi nhận được hướng dẫn của Bộ Xây	Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
				báo cáo		dựng	
III	Lĩnh vực quản lý hạ tầng kỹ thuật						
5	Báo cáo về tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng	UBND cấp xã; đơn vị quản lý nghĩa trang; đơn vị quản lý vận hành cơ sở hỏa táng	- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - UBND cấp huyện.	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Năm (01 lần/năm)	Mẫu 5 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	- Khoản 9 Điều 4, khoản 2 Điều 10, khoản 11 Điều 11, khoản 6 Điều 12, điểm g khoản 1 Điều 14, Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh. - Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
		- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - UBND cấp huyện.	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối kỳ báo cáo			
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
6	Báo cáo về tình hình quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị	Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị	- UBND cấp huyện. - Sở Xây dựng.	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Năm (01 lần/năm)	Mẫu 8 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	Điều 16 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
				tháng cuối kỳ báo cáo		19/5/2020 của UBND tỉnh	
PHẦN II: DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA UBND TỈNH							
I	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng						
1	Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện công tác thẩm định, kiểm tra theo Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 65/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh	- Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Công thương. - UBND cấp huyện.	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Năm (01 lần/năm)	Mẫu 4 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	- Khoản 2 Điều 8 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 65/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh. - Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
II	Lĩnh vực quản lý hạ tầng kỹ thuật						
2	Báo cáo về tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; thoát nước, xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Năm (01 lần/năm)	Mẫu 6.1 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của	- Điểm h khoản 1 và điểm đ khoản 10 Điều 3, khoản 8 Điều 4, khoản 14 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
						UBND tỉnh	ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh.
		UBND cấp huyện				Mẫu 6.2 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	- Điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 27, Khoản 5 Điều 28 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 04/03/2016 của UBND tỉnh.
		Các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị cấp nước; Chủ đầu tư xây dựng nhà máy và mạng lưới cấp nước				Mẫu 6.3 (có Biểu 001/NS, 002/NS, 003/NS, 004/NS, 005/NS kèm theo) tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	- Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của		Mẫu 6.1, 6.2, 6.3 (có Biểu	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
				tháng cuối kỳ báo cáo		001/NS, 002/NS, 003/NS, 004/NS, 005/NS kèm theo) tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	
3	Báo cáo về công tác quản lý chất thải rắn xây dựng	<p>Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng</p> <p>Chủ xử lý chất thải rắn xây dựng</p>	Sở Xây dựng	Trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo của kỳ báo cáo	Năm (01 lần/năm)	<p>Mẫu 7.1 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh</p> <p>Mẫu 7.2 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-</p>	<p>- Khoản 6 Điều 6, khoản 7 Điều 12, khoản 8 Điều 14, Điều 16 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh.</p> <p>- Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.</p>

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện.				UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Mẫu 7.3 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo của kỳ báo cáo		Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	
III Lĩnh vực quản lý phát triển nhà ở và thị trường bất động sản							
4	Báo cáo tình hình cải tạo, sửa chữa công sở, trụ sở, nhà làm việc	- UBND cấp xã - Đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự quản lý của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Năm (01 lần/năm)	Mẫu 9 tại Phụ lục của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số	- Điểm c khoản 1, điểm d khoản 4 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
		Đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự quản lý của sở, ban, ngành	Sở, ban, ngành (<i>VPHĐND tỉnh, VPUBND tỉnh, 16 Sở chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, Ban QLKKT, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh</i>)			25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh. - Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
		- Sở, ban, ngành. - UBND cấp huyện. - Đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự quản lý của tỉnh.	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối kỳ báo cáo			
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nhà chung cư	UBND cấp huyện	Sở Xây dựng	Chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	06 tháng, năm (02 lần/năm)	Mẫu 10 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của	- Khoản 8 Điều 47, khoản 5 Điều 48 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của
		Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Chậm nhất vào ngày 20 của			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
				tháng cuối kỳ báo cáo		UBND tỉnh	UBND tỉnh. - Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
6	Báo cáo về hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng tổng hợp, công bố thông tin, chỉ tiêu thống kê trên phần mềm cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản		Trước ngày 20 của tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ công bố			- Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh. - Điều 19 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
6.1	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về lượng giao dịch bất động sản để bán qua công chứng, chứng thực	UBND cấp xã Tổ chức hành nghề công chứng - UBND cấp huyện - Sở Tư pháp.	UBND cấp huyện Sở Tư pháp Sở Xây dựng	Trước ngày 01 hàng tháng Trước ngày 05 hàng tháng	Tháng (12 lần/năm)	Biểu mẫu số 6 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Khoản 2, điểm a khoản 10, khoản 11, khoản 12 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
6.2	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng	Trước ngày 10 tháng đầu tiên hàng quý	Quý (04 lần/năm)	Biểu mẫu số 9 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Điểm a khoản 3 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.3	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về sử dụng đất ở tại các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng	Trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ 6 tháng	06 tháng (02 lần/năm)	Biểu mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Điểm b khoản 3 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.4	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Xây dựng	Trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ 6 tháng	06 tháng (02 lần/năm)	Biểu mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Khoản 4 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.5	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về tình	Cục Thuế tỉnh	Sở Xây dựng	Trước ngày 15 tháng đầu tiên	06 tháng (02	Biểu mẫu số 12 Phụ lục ban	Khoản 5 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
	hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản			của kỳ 6 tháng	lần/năm)	hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.6	Cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả chương trình điều tra hoạt động xây dựng; giá bất động sản; diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành; số lượng nhà ở, tổng diện tích nhà ở hiện có và sử dụng	Cục Thống kê tỉnh	Sở Xây dựng	- Hàng năm: trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo. - 05 năm: trước ngày 30 tháng 6 năm sau năm tổng điều tra.	Năm (01 lần/năm) và 05 năm	Chưa quy định	Điểm a khoản 6 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.7	Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản thuộc thẩm quyền quản lý	- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Sở Xây dựng	Chưa quy định	Chưa quy định	Theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh	Điểm a khoản 7, điểm d khoản 10 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.8	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về quản lý nhà chung cư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Xây dựng	Trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ 6 tháng	06 tháng (02 lần/năm)	Biểu mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo	Điểm b khoản 10 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
						Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.9	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về số lượng nhà ở đô thị, nông thôn tại địa phương; tổng hợp nhà ở theo mức độ kiên cố xây dựng tại địa phương	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Xây dựng	Trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo	Năm (01 lần/năm)	Biểu mẫu số 14, 15 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Điểm c khoản 10 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.10	Cung cấp các thông tin, dữ liệu của các dự án	- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh - Ủy ban nhân dân cấp huyện - Chủ đầu tư các dự án bất động sản	Sở Xây dựng	Trước ngày 05 hàng tháng	Tháng (12 lần/năm)	Biểu mẫu 4a, 4b, 4c, 5 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Điểm b khoản 7, khoản 8, khoản 9, điểm đ khoản 10, điểm a khoản 13 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.11	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về tình hình triển khai đầu tư xây dựng các dự án	- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Trung tâm Phát	Sở Xây dựng	Trước ngày 10 tháng đầu tiên hàng quý	Quý (04 lần/năm)	Biểu mẫu 8a, 8b, 8c, 8d Phụ lục ban hành kèm theo Nghị	Điểm b khoản 7, khoản 8, khoản 9, điểm đ khoản 10, điểm b khoản 13 Điều 5

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
	bất động sản	triển Quỹ đất tỉnh - Ủy ban nhân dân cấp huyện - Chủ đầu tư các dự án bất động sản				định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.12	Báo cáo thông tin của dự án nhà ở, bất động sản	- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh - Ủy ban nhân dân cấp huyện - Chủ đầu tư các dự án bất động sản	Sở Xây dựng	Chậm nhất 15 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt dự án và khi có quyết định điều chỉnh.	Chưa quy định	Biểu mẫu 7a, 7b, 7c, 7d Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Điểm b khoản 7, khoản 8, khoản 9, điểm đ khoản 10, điểm c khoản 13 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
6.13	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về lượng giao dịch bán, cho thuê, giá giao dịch	Sàn giao dịch bất động sản, Tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản	Sở Xây dựng	Trước ngày 05 hàng tháng	Tháng (12 lần/năm)	Biểu mẫu 01, 02, 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ	Khoản 14 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh
IV	Lĩnh vực khác						

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
7	Báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng	UBND cấp xã	UBND cấp huyện	Ngày 10 tháng cuối quý, năm.	Quý, năm (04 lần/năm); lồng ghép báo cáo Quý IV và báo cáo năm	Mẫu 11 (kèm Biểu 001/TTXD) tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2, 3 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh. - Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh.
		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Xây dựng	Ngày 15 tháng cuối quý, năm.			